

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 4 năm.

Doanh thu hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động kinh doanh bao gồm doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, danh mục đầu tư chứng khoán. Các khoản doanh thu này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở hợp đồng ký kết và giá trị thực tế thực hiện.

Doanh thu hoạt động tài chính

Hoạt động tự doanh chứng khoán

Lãi/lỗ từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận là doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính. Đối với chứng khoán đã niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán, doanh thu hoặc chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên cơ sở Thông báo khớp lệnh từ Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Đối với chứng khoán chưa niêm yết, doanh thu hoặc chi phí tự doanh chứng khoán được ghi nhận khi hoàn thành việc chuyển giao quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư

Doanh thu từ hoạt động đầu tư là lãi thu được từ cổ phiếu và trái phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ. Lãi đầu tư trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dồn tích.

Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư

Công ty nhận tài sản từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty với người ủy thác đầu tư. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty ghi nhận các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư trên các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi giữa niên độ vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍ

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, Đống Đa

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tiền mặt	699.719.842	213.699.479
Tiền gửi ngân hàng không kì hạn	7.200.299.025	8.125.226.397
Các khoản tương đương tiền (*)	19.000.000.000	25.500.000.000
	26.900.018.867	33.838.925.876

(*) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 là số dư từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Chứng khoán vốn niêm yết	7.323.736.120	15.227.294.737
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	26.792.052.632	26.792.052.632
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 1 năm	6.000.000.000	12.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác (i)	36.450.000.000	21.450.000.000
	76.565.788.752	75.469.347.369
Các khoản dự phòng	(2.148.484.817)	(4.831.314.908)
Chứng khoán vốn niêm yết	(1.058.562.187)	(3.741.392.276)
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	(1.089.922.630)	(1.089.922.632)
Đầu tư tài chính ngắn hạn ròng	74.417.303.935	70.638.032.461

(i) Đầu tư ngắn hạn khác bao gồm:

- 15.450.000.000 VND thể hiện giá trị đầu tư vào 15.000.000.000 VND mệnh giá trái phiếu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phát hành tại ngày 10 tháng 10 năm 2006. Trái phiếu có thời hạn 10 năm với mức lãi suất là 9,8%/năm áp dụng trong 5 năm đầu tiên. Lãi suất áp dụng trong 5 năm cuối cùng có thể thay đổi theo chính sách của tổ chức phát hành nhưng không thấp hơn 10,4%/năm. Lãi được thanh toán vào ngày 10 tháng 10 hàng năm.
- 6.000.000.000 VND thể hiện giá trị khoản góp vốn thành lập Quỹ thành viên Tập trung Cổ phần hóa Việt Nam với số vốn góp tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 6 tỷ VND (tương đương 10%). Quỹ được thành lập từ ngày 25 tháng 10 năm 2011 và có thời gian hoạt động là 5 năm kể từ ngày thành lập;
- 15.000.000.000 VND thể hiện giá trị đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi do Công ty Tài chính TNHH một thành viên Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2016. Chứng chỉ tiền gửi có thời hạn 9 tháng với mức lãi suất là 9,5%/năm, tiền lãi được trả vào ngày đáo hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Mã cổ phiếu	Giá trị theo sổ sách kế toán		Giá trị thị trường	
		30/6/2016	31/12/2015	30/6/2016	31/12/2015
		Giá trị (VND)	Giá trị (VND)	Giá trị (VND)	Giá trị (VND)
Chứng khoán vốn niêm yết		7.323.736.120	15.227.294.736	6.357.390.778	11.623.405.400
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	MBB	150.901.230	947.140.439	150.758.178	971.381.800
Công ty Cổ phần FPT	FPT	564.785.906	-	543.400.000	-
Công ty Cổ phần Phát Triển Bất động sản Phát Đạt	PDR	966.338.763	-	910.800.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	KDH	788.404.517	-	752.400.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	PVS	588.180.948	528.271.584	569.780.000	317.300.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại dầu khí	SDP	1.459.168.171	2.377.585.790	556.240.000	1.019.360.000
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	DCM	2.403.783.157	2.468.415.421	2.496.000.000	2.581.677.000
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	PVD	-	1.994.853.988	-	1.417.485.000
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	PXS	402.173.428	1.276.463.874	378.012.600	982.531.600
Tổng Công ty Dung dịch Khoan & Hóa phẩm Dầu khí	PVC	-	2.919.050.544	-	2.048.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	PVG	-	979.874.639	-	734.670.000
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	BCC	-	448.171.250	-	402.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	CII	-	573.889.173	-	540.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	PVT	-	650.283.243	-	550.800.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	DPM	-	63.294.791	-	58.200.000
Chứng khoán vốn chưa niêm yết (*)		26.792.052.632	26.792.052.632	26.227.130.000	26.332.130.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	ABB	1.782.052.632	1.782.052.632	917.130.000	917.130.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	PSA	8.700.000.000	8.700.000.000	8.700.000.000	8.700.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	PVOil HN	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Mỹ	PVOIL PM	2.310.000.000	2.310.000.000	2.835.000.000	2.940.000.000
Công ty Cổ phần Phú Sơn (**)	PhuSonJSC	9.000.000.000	9.000.000.000	8.775.000.000	8.775.000.000
		34.115.788.752	42.019.347.368	32.584.520.778	37.955.535.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

(*) Việc trích lập dự phòng giảm giá các chứng khoán vốn chưa niêm yết được dựa trên các báo giá được thu thập từ 02 Công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND. Ban Giám đốc đã thận trọng đánh giá và tin tưởng rằng mức giá từ các báo giá thu thập được phản ánh giá trị thị trường của các cổ phiếu này.

(**) Thể hiện số tiền đầu tư vào 450.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phú Sơn nhằm mục đích thu lợi nhuận trong ngắn hạn. Ban Giám đốc Công ty đã thận trọng đánh giá khả năng thanh lý khoản đầu tư này trong ngắn hạn và tin tưởng rằng việc phân loại, trình bày khoản đầu tư này là phù hợp.

6. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	124.428.284	123.423.352
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	4.947.911.018	4.602.446.285
	5.072.339.302	4.725.869.637

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tạm ứng	5.761.369.424	3.839.004.397
Phải thu lãi tiền gửi	459.597.222	166.933.333
Phải thu lãi trái phiếu	1.139.666.666	376.999.999
Phải thu lãi Hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	1.118.000.000	279.500.000
Đặt cọc	5.000.000	5.000.000
Các khoản phải thu khác	169.272.367	-
	8.652.905.679	4.667.437.729

(*) Phải thu lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh thể hiện số phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh với Hợp tác xã Công nghiệp Chiến Thắng ngày 27 tháng 01 năm 2014 (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 10 - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2016	456.648.182	784.638.286	1.241.286.468
Tại ngày 30/6/2016	456.648.182	784.638.286	1.241.286.468
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2016	427.075.256	599.868.621	1.026.943.877
Khấu hao trong kỳ	4.175.000	39.231.911	43.406.911
Tại ngày 30/6/2016	431.250.256	639.100.532	1.070.350.788
Giá trị còn lại			
Tại ngày 30/6/2016	25.397.926	145.537.754	170.935.680
Tại ngày 01/01/2016	29.572.926	184.769.665	214.342.591

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Phần mềm ứng dụng VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2016	88.300.000
Tăng trong kỳ	118.700.000
Tại ngày 30/6/2016	207.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2016	59.162.508
Khấu hao trong kỳ	13.887.502
Tại ngày 30/6/2016	73.050.010
Giá trị còn lại	
Tại ngày 30/6/2016	29.137.492
Tại ngày 01/01/2016	133.949.990

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Đầu tư tài chính dài hạn khác (*)	12.900.000.000	12.900.000.000
	12.900.000.000	12.900.000.000

(*) Đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm:

- Khoản góp vốn với số tiền 12,9 tỷ VND theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Hợp tác xã Công nghiệp Chiến Thắng ngày 27 tháng 01 năm 2014; tương đương với tỷ lệ 50% vào dự án xây dựng công trình số 12 Đỗ Ngọc Du, Hà Nội (“Dự án”). Ban Giám đốc Công ty đã thận trọng đánh giá tính chất đặc thù của Hợp đồng hợp tác đầu tư này và tin tưởng rằng việc phân loại và trình bày khoản đầu tư này vào Đầu tư tài chính dài hạn khác là phù hợp với bản chất của Hợp đồng hợp tác đầu tư.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	161.174.719	279.610.838
Thuế thu nhập cá nhân	55.901.823	114.769.206
	217.076.542	394.380.044

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng	1.068.480.000	534.240.000
Các chi phí khác	-	229.875.478
	1.068.480.000	764.115.478

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Cổ tức phải trả	14.230.000.000	14.230.000.000
Phải trả về hợp đồng mua chứng khoán	37.770.695	37.770.695
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	766.887.592	261.346.196
	15.034.658.287	14.529.116.891

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2015	100.000.000.000	999.048.486	999.048.486	-	15.737.555.772	117.735.652.744
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.837.366.670	1.837.366.670
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.904.070.727)	(2.904.070.727)
Trích quỹ khác	-	-	-	484.011.788	(484.011.788)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Tại ngày 30/6/2015	100.000.000.000	999.048.486	999.048.486	484.011.788	9.186.839.927	111.668.948.687

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Tại ngày 01/01/2016	100.000.000.000	999.048.486	999.048.486	484.011.788	8.452.299.277	110.934.408.037
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	2.148.124.524	2.148.124.524
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	300.000.000	-	-	(300.000.000)	-
Trích quỹ khác	-	-	-	300.000.000	(300.000.000)	-
Tại ngày 30/6/2016	100.000.000.000	1.299.048.486	999.048.486	784.011.788	9.700.423.801	112.782.532.561

Vốn điều lệ

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 23/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍTầng 9, Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃU SỐ B 09a-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***15. DOANH THU**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	744.630.358	789.556.078
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	9.048.815.142	12.412.397.671
	9.793.445.500	13.201.953.749

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư	3.523.650.539	4.806.446.453
	3.523.650.539	4.806.446.453

17. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	233.046.000	102.960.000
Chi phí nhân công	3.784.677.951	4.821.655.050
Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.294.413	63.533.663
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.847.513.680	5.257.776.380
Chi phí khác bằng tiền	3.739.436.863	3.117.110.669
	11.661.968.907	13.363.035.762

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND
Lãi tiền gửi	1.853.263.256	1.863.945.320
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	838.500.000	838.500.000
Lãi đầu tư tài chính	492.732.891	1.213.866.656
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.626.808.150	39.000.000
	4.811.304.297	3.955.311.976

(*) Thể hiện lợi nhuận trong kỳ từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Hợp tác xã Công nghiệp Chiến Thắng ngày 27 tháng 01 năm 2014 vào dự án xây dựng công trình số 12 Đỗ Ngọc Du, Hà Nội (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 8 - Các khoản phải thu khác và Thuyết minh số 11 - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍTầng 9, Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃU SỐ B 09a-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn (Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	3.316.311.737 (2.682.830.091)	1.003.942.162 397.083.480
	633.481.646	1.401.025.642

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND
Lợi nhuận trước thuế	2.309.299.244	2.393.204.320
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	1.626.808.150	39.000.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	123.382.500	172.330.455
Thu nhập chịu thuế	805.873.594	2.526.534.775
Lỗ lũy kế mang sang	-	-
Thu nhập chịu thuế sau khi cộng lỗ thuế	805.873.594	2.526.534.775
Thuế suất	20%	22%
Chi phí thuế TNDN	161.174.720	555.837.650
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	161.174.720	555.837.650

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND (*)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.148.124.524	1.837.366.670
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.148.124.524	1.837.366.670
Trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	-	(150.000.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	214,81	169

(*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được điều chỉnh lại theo Nghị Quyết số 131/NQ-QLQ-ĐHĐCD ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ hoạt động này cũng được điều chỉnh lại tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍTầng 9, Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09a-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***22. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ VÀ DANH MỤC ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TRONG KỲ****Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán*****Danh mục đầu tư chứng khoán Công ty đang thực hiện quản lý:***

- 1) Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đang thực hiện một Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam) với tổng số vốn đầu tư theo cam kết là 20.337 tỷ VND, số vốn thực tế đang quản lý tương ứng là 11.889 tỷ VND.
- 2) Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đang thực hiện một Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí với tổng số vốn thực tế đang quản lý là 12 tỷ VND.
- 3) Theo Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN"), PVN đồng ý ủy thác cho Công ty thực hiện quản lý danh mục đầu tư với tổng vốn đầu tư là 175 tỷ VND. Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, tổng số vốn thực tế của hợp đồng này hiện Công ty đang quản lý là 175 tỷ VND.

Hoạt động quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán***Tổng số Quỹ đầu tư chứng khoán Công ty đang thực hiện quản lý: 1***

- 1) Theo hợp đồng quản lý quỹ đầu tư với Quỹ thành viên Tập trung Cổ phần hóa Việt Nam (VEFF), Công ty được ủy quyền thực hiện các hoạt động đầu tư tại Việt Nam theo các mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư được quy định trong hợp đồng này.

Giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016: 74.528.809.448 VND.

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Từ ngày 01/01/2016</u> <u>đến ngày 30/6/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 30/6/2015</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	1.068.480.000	1.068.480.000

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.246.560.000	2.136.960.000
	1.246.560.000	2.136.960.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có cam kết thuê hoạt động không hủy ngang phát sinh từ hợp đồng thuê văn phòng tại Tầng 9, Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội đến ngày 10 tháng 01 năm 2017. Cam kết này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍ

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, Đống Đa

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09a-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ (không bao gồm dự phòng)		Giá trị hợp lý	
	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.900.018.867	33.838.925.876	26.900.018.867	33.838.925.876
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	76.565.788.752	75.469.347.369	76.859.742.090	72.279.737.543
Các khoản phải thu	8.179.025.990	5.938.725.769	(*)	(*)
Đầu tư dài hạn khác	12.900.000.000	12.900.000.000	(*)	(*)
	124.544.833.609	128.146.999.014		
Công nợ tài chính				
Chi phí phải trả	1.068.480.000	764.115.478	(*)	(*)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14.937.688.125	14.446.274.021	(*)	(*)
	16.204.168.125	15.210.389.499		

(*) Ngoại trừ tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu nhiều rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và có chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Trong kỳ, Công ty không thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ. Vì vậy, Công ty không chịu rủi ro tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất đối với Công ty bắt nguồn từ những thay đổi tiềm tàng trong giá trị của các tài sản và công nợ tài chính do biến động lãi suất thị trường. Ban Giám đốc định kỳ rà soát rủi ro tiềm tàng của Công ty trong bối cảnh kinh tế và điều kiện kinh doanh hiện hành, tập trung vào rủi ro lãi suất và rủi ro thị trường. Công ty chưa thực hiện đánh giá độ nhạy rủi ro lãi suất do chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu đầu vào đáng tin cậy.

Quản lý rủi ro về giá công cụ vốn

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ cho mục đích kinh doanh. Biến động giá thị trường ảnh hưởng đến giá trị hợp lý của danh mục đầu tư của Công ty cũng như lãi lỗ từ hoạt động đầu tư. Để phòng ngừa rủi ro về giá (giảm giá chứng khoán đầu tư), Công ty đã đa dạng hóa danh mục đầu tư, xây dựng hạn mức đầu tư. Ngoài ra, việc cơ cấu các khoản đầu tư cũng giúp cho Công ty phòng ngừa được rủi ro về giảm giá các khoản đầu tư trong điều kiện thị trường khó khăn như hiện nay. Công ty chưa thực hiện đánh giá độ nhạy rủi ro giá thị trường của cổ phiếu do chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu đầu vào đáng tin cậy.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍTầng 9, Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09a-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
30/6/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.900.018.867	-	26.900.018.867
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	76.565.788.752	-	76.565.788.752
Các khoản phải thu	7.789.603.190	389.422.800	8.179.025.990
Đầu tư dài hạn khác	-	12.900.000.000	12.900.000.000
Tổng cộng	111.255.410.809	13.289.422.800	124.544.833.609
30/6/2016			
Chi phí phải trả	1.068.480.000	-	1.068.480.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14.937.688.125	-	14.937.688.125
Tổng cộng	16.204.168.125	-	16.204.168.125
Chênh lệch thanh khoản thuần	95.051.242.684	13.289.422.800	108.340.665.484
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.838.925.876	-	33.838.925.876
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	75.469.347.369	-	75.469.347.369
Các khoản phải thu	5.549.302.969	389.422.800	5.938.725.769
Đầu tư dài hạn khác	-	12.900.000.000	12.900.000.000
Tổng cộng	114.857.576.214	13.289.422.800	128.146.999.014
31/12/2015			
Chi phí phải trả	764.115.478	-	764.115.478
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14.446.274.021	-	14.446.274.021
Tổng cộng	15.210.389.499	-	15.210.389.499
Chênh lệch thanh khoản thuần	99.647.186.715	13.289.422.800	112.936.609.515

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các khoản tiền gửi, nhận ủy thác quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, nhận ủy thác quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, thuê văn phòng và phải trả cổ tức với các bên liên quan sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Bên liên quan của Cổ đông lớn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	Cổ đông lớn
Quỹ thành viên Tập trung Cổ phần hóa Việt Nam (VEFF)	Bên nhận góp vốn
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	Bên liên quan
Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	Bên liên quan của Cổ đông lớn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍTầng 9, Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09a-CTQ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**Nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan:**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND
Chi phí thuê văn phòng	1.068.480.000	1.068.480.000
Doanh thu quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	9.048.815.142	12.412.397.671
Doanh thu quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	744.630.358	789.556.078
Thu nhập từ lãi tiền gửi	595.214.159	1.863.945.320

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền gửi tại tổ chức tín dụng	20.000.000.000	34.509.589.421
Phải thu về phí quản lý danh mục đầu tư	4.932.744.351	4.597.279.618
Phải thu về lãi tiền gửi	84.111.111	142.558.333
Phải thu về phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	124.428.284	123.423.352
Phải trả về chi phí thuê văn phòng	1.068.480.000	534.240.000
Phải trả về hợp đồng mua chứng khoán	17.770.695	-
Cổ tức phải trả	14.230.000.000	14.230.000.000
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	389.422.800	389.422.800

Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	815.357.511	724.972.234

Trần Thị Thủy
Giám đốcĐỗ Thị Kim Cúc
Trưởng Phòng Tài chính Kế toánPhạm Thị Thanh Vân
Người lập

Ngày 10 tháng 8 năm 2016
